

Chuyên đề: Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định

Mệnh đề quan hệ (Relative Clauses) là một phần ngữ pháp quan trọng trong tiếng Anh, dùng để bổ sung thông tin cho danh từ đứng trước nó. Có hai loại chính là mệnh đề quan hệ xác định và không xác định, mỗi loại có cách dùng và quy tắc riêng.

I. Mệnh đề quan hệ xác định (Defining Relative Clauses)

1. Định nghĩa

Mệnh đề quan hệ xác định được dùng để cung cấp thông tin thiết yếu, giúp xác định danh từ mà nó bổ nghĩa là ai, là cái gì. Nếu không có mệnh đề này, câu sẽ không rõ nghĩa hoặc không hoàn chỉnh.

Đặc điểm: Không có dấu phẩy ngăn cách với mệnh đề chính.

- **Ví dụ 1:** The man *who lives next door* is a doctor. (Người đàn ông sống ở nhà bên cạnh là một bác sĩ.)

=> Mệnh đề "who lives next door" giúp xác định rõ "người đàn ông" nào được nói đến. Nếu bỏ đi, câu "The man is a doctor" sẽ không rõ là ai.

- **Ví dụ 2:** I like the book *which you recommended*. (Tôi thích cuốn sách mà bạn đã giới thiệu.)

=> Mệnh đề "which you recommended" giúp xác định "cuốn sách" nào.

2. Các đại từ và trạng từ quan hệ thường dùng

a. WHO

Dùng để thay thế cho danh từ chỉ người, làm chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Cấu trúc: N (person) + WHO + V + O ...

- **Ví dụ 1:** The girl *who won the competition* is my cousin. (Cô gái người đã thắng cuộc thi là em họ của tôi.)
- **Ví dụ 2:** I want to talk to the person *who is in charge of sales*. (Tôi muốn nói chuyện với người chịu trách nhiệm bán hàng.)

b. WHOM

Dùng để thay thế cho danh từ chỉ người, làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Cấu trúc: N (person) + WHOM + S + V ...

- **Ví dụ 1:** The woman *whom I met yesterday* was very friendly. (Người phụ nữ mà tôi đã gặp hôm qua rất thân thiện.)
- **Ví dụ 2:** The candidate *whom we interviewed this morning* has excellent qualifications. (Ứng viên mà chúng tôi phỏng vấn sáng nay có bằng cấp xuất sắc.)

Lưu ý: Trong văn nói thân mật, 'who' thường được dùng thay cho 'whom'.

c. WHICH

Dùng để thay thế cho danh từ chỉ vật, sự vật, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ.

Cấu trúc (chủ ngữ): N (thing) + WHICH + V + O ...

Cấu trúc (tân ngữ): N (thing) + WHICH + S + V ...

- **Ví dụ 1 (chủ ngữ):** This is the laptop *which has the best features*. (Đây là chiếc máy tính xách tay có những tính năng tốt nhất.)
- **Ví dụ 2 (tân ngữ):** The movie *which we watched last night* was boring. (Bộ phim mà chúng tôi xem tối qua thật nhàm chán.)

d. THAT

Là đại từ đa năng, có thể thay thế cho 'who', 'whom', 'which' trong mệnh đề quan hệ xác định.

- **Ví dụ 1:** The man *that lives next door* is a doctor. (thay cho 'who')
- **Ví dụ 2:** The movie *that we watched last night* was boring. (thay cho 'which')

Lưu ý: 'That' thường được ưu tiên sử dụng sau các hình thức so sánh nhất, các từ như 'the first', 'the last', 'the only', 'all', 'everything', 'nothing'.

e. WHOSE

Dùng để chỉ sự sở hữu cho cả người và vật.

Cấu trúc: N (person/thing) + WHOSE + N + V ...

- **Ví dụ 1:** I know a boy *whose father is a famous actor*. (Tôi biết một cậu bé có cha là một diễn viên nổi tiếng.)
- **Ví dụ 2:** It's a house *whose windows were all broken*. (Đó là một ngôi nhà có tất cả cửa sổ đều bị vỡ.)

f. WHERE, WHEN, WHY

Là các trạng từ quan hệ, thay thế cho cụm từ chỉ nơi chốn, thời gian, lý do.

- **WHERE (= in/at/on which):** The hotel *where we stayed* was very comfortable. (Khách sạn nơi chúng tôi ở rất thoải mái.)
- **WHEN (= in/on/at which):** I'll never forget the day *when I first met you*. (Tôi sẽ không bao giờ quên ngày đầu tiên tôi gặp bạn.)
- **WHY (= for which):** Tell me the reason *why you were late*. (Hãy cho tôi biết lý do tại sao bạn đến muộn.)

3. Lược bỏ đại từ quan hệ

Trong mệnh đề quan hệ xác định, ta có thể lược bỏ đại từ quan hệ (who, whom, which, that) khi nó đóng vai trò là **tân ngữ**.

- **Ví dụ 1:** The woman I met yesterday was very friendly. (Lược bỏ 'whom' từ câu: The woman *whom I met yesterday*...)
- **Ví dụ 2:** The movie we watched last night was boring. (Lược bỏ 'which' từ câu: The movie *which we watched last night*...)

II. Mệnh đề quan hệ không xác định (Non-defining Relative Clauses)

1. Định nghĩa

Mệnh đề quan hệ không xác định được dùng để cung cấp thêm thông tin về danh từ đã được xác định rõ. Thông tin này không thiết yếu, nếu bỏ đi, câu vẫn rõ nghĩa.

Đặc điểm: Luôn được ngăn cách với mệnh đề chính bằng dấu phẩy (,) hoặc dấu gạch ngang (-).

- **Ví dụ 1:** Mr. Smith, *who is my English teacher*, is very kind. (Thầy Smith, người là giáo viên tiếng Anh của tôi, rất tốt bụng.)
=> Danh từ "Mr. Smith" đã là một tên riêng, rất cụ thể. Mệnh đề "who is my English teacher" chỉ cung cấp thêm thông tin.
- **Ví dụ 2:** Ha Noi, *which is the capital of Vietnam*, is a beautiful city. (Hà Nội, thủ đô của Việt Nam, là một thành phố xinh đẹp.)
=> "Ha Noi" đã xác định rõ, mệnh đề quan hệ chỉ bổ sung thông tin.

2. Các đại từ và trạng từ quan hệ thường dùng

Tương tự mệnh đề xác định, nhưng có một số quy tắc khác biệt quan trọng.

KHÔNG DÙNG "THAT" trong mệnh đề quan hệ không xác định.

KHÔNG LƯỢC BỎ đại từ/trạng từ quan hệ.

a. WHO, WHOM, WHICH, WHOSE

- **WHO:** My best friend, *who lives in London*, is coming to visit me. (Bạn thân nhất của tôi, người sống ở London, sẽ đến thăm tôi.)
- **WHOM:** The author, *whom I admire greatly*, has just published a new book. (Tác giả, người mà tôi vô cùng ngưỡng mộ, vừa xuất bản một cuốn sách mới.)
- **WHICH:** My car, *which I bought 5 years ago*, is still in good condition. (Chiếc xe của tôi, cái mà tôi đã mua 5 năm trước, vẫn còn tốt.)
- **WHICH (bỏ nghĩa cho cả mệnh đề):** He forgot my birthday, *which made me sad*. (Anh ấy quên sinh nhật tôi, điều đó làm tôi buồn.)
- **WHOSE:** Ms. Lan, *whose son is my classmate*, is a very talented artist. (Cô Lan, người có con trai là bạn cùng lớp của tôi, là một nghệ sĩ rất tài năng.)

b. WHERE, WHEN

- **WHERE:** Paris, *where my sister is studying*, is famous for its art museums.
(Paris, nơi chị gái tôi đang học, nổi tiếng với các bảo tàng nghệ thuật.)
- **WHEN:** We will visit in December, *when the weather is cooler*. (Chúng tôi sẽ đến thăm vào tháng 12, khi thời tiết mát mẻ hơn.)

3. Khi nào dùng mệnh đề quan hệ không xác định?

Mệnh đề quan hệ không xác định thường đi sau:

- Tên riêng (e.g., Peter, London, The Eiffel Tower)
- Danh từ có tính từ sở hữu đứng trước (e.g., my father, her book)
- Danh từ có đại từ chỉ định đứng trước (e.g., this house, that boy)

III. Bảng so sánh Mệnh đề quan hệ xác định và không xác định

Tiêu chí	Mệnh đề quan hệ xác định	Mệnh đề quan hệ không xác định
Mục đích	Cung cấp thông tin thiết yếu để xác định danh từ.	Cung cấp thông tin bổ sung, không thiết yếu.
Dấu phẩy	Không dùng dấu phẩy.	Luôn có dấu phẩy (,) ngăn cách.
Đại từ 'that'	Có thể dùng để thay thế cho who, whom, which.	Không được dùng.
Lược bỏ đại từ quan hệ	Có thể lược bỏ khi nó làm tân ngữ.	Không được lược bỏ.
Ví dụ	The woman <i>who works at the bank</i> is my aunt.	My aunt, <i>who works at the bank</i> , is very busy.

IV. Lưu ý về Mệnh đề quan hệ với giới từ

Giới từ có thể đứng trước đại từ quan hệ (whom, which) hoặc đứng ở cuối mệnh đề.

1. Trong mệnh đề quan hệ xác định

- **Giới từ ở cuối:** The man *who I was talking to* is my teacher. (Thông dụng hơn)
- **Giới từ ở đầu:** The man *to whom I was talking* is my teacher. (Trang trọng hơn)

2. Trong mệnh đề quan hệ không xác định

Tương tự, giới từ có thể đứng ở hai vị trí, nhưng cách đặt giới từ ở đầu phổ biến hơn trong văn viết trang trọng.

- **Ví dụ:** This is Mr. Brown, *about whom I was telling you*. (Đây là ông Brown, người mà tôi đã kể với bạn.)

Chúc các em học tốt và nắm vững kiến thức về mệnh đề quan hệ!